TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 15-8-2025.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - LÂM ĐỒNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Tám và bà Cấn Thị Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga, là Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Thái Lê Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lâm Đồng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 82/2025/TLST-HNGĐ ngày 26-5-2025 về việc: *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990.

Căn cước công dân số: 0341900209XX.

Địa chỉ: Buôn Đ, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk *(Buôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cũ)*.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1986.

Chứng minh nhân dân số: 2451892XX.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Lâm Đồng *(Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ)*.

Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với anh Phạm Văn T ngày 19-01-2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ *(Nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lâm Đồng)* trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống từ khi kết hôn cho đến nay không hạnh phúc, do anh T hay uống rượu, đi về khuya, say sỉn nhiều lần và bạo lực gia đình, mỗi lần say là đánh đập vợ và phá đồ đạc trong nhà, dù tôi đã cố gắng sống hoà hợp và được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi mà tính nết ngày càng tệ hơn. Khi tôi mang thai tháng thứ 4 (năm 2018), anh T đánh tôi và làm

cho tôi suy yếu tinh thần dẫn đến bị hư thai, sau đó tôi không thể chịu đựng được nữa phải sống ly thân rồi đi nước ngoài lao động, cho đến khi về nước là 07 năm. Khi về nước tôi có về nhà thì anh T đã lập gia đình, có con riêng, tôi muốn ly hôn anh cũng gây khó dễ cho tôi.

Mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể quay về với nhau nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Tôi và anh Phạm Văn T, không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với chị Nguyễn Thị H ngày 19-01-2018 tại Ủy ban nhân dân xã Nâm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông cũ *(Nay là Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân, tỉnh Lâm Đồng)* trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống từ sau khi kết hôn đến khi chị H bỏ đi chúng tôi không có mâu thuẫn, tôi không uống rượu, say xỉn, đánh đập chị H như chị H trình bày, không biết vì sao khoảng giữa tháng 7 năm 2018, sáng tôi đi làm, chiều về thì không thấy chị H ở nhà, chị H đã bỏ đi cho đến nay được 7 năm.

Nay nhận thấy đời sống hôn nhân giữa chúng tôi không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể quay về với nhau nên tôi đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Tôi và chị Nguyễn Thị H không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phiên hòa giải không tiến hành được do các đương sự đều đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có trình bày, không gửi văn bản thay đổi ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nâm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông cũ *(Nay là Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân, tỉnh Lâm Đồng)* ngày 19-01-2018 trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống chị H và anh T xác nhận không hạnh phúc do không hợp nhau, không thể hàn gắn, đã sống ly thân nhiều năm. Như vậy, việc chị H khởi kiện yêu cầu

giải quyết ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị H và anh T không có con chung nên không đề cập xử lý.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Văn T. Anh T có nơi cư trú tại Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ *(nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng)*. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "*Ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27-6-2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ *(nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lâm Đồng)* ngày 19-01-2018 trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được nên anh chị đã ly thân được 7 năm. Tháng 9 năm 2018 chị H đã làm đơn xin ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông cũ nhưng do chị H bỏ đi, Tòa án triệu tập hai lần vắng mặt nên đình chỉ giải quyết vụ án ngày 27-11-2018. Hiện nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T; anh T đồng ý ly hôn với chị H do không còn tình cảm, hôn nhân không hạnh phúc. Do anh chị có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành phiên hòa giải để công nhận thuận tình ly hôn được.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Phạm Văn T với lý do hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T không yêu cầu.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27-6-2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Phạm Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004662 ngày 26-3-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông cũ (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Lâm Đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 8 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 8 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Thu Hà